TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 02/4/2019
V/v: "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Minh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức

2. Ông Lý Đạt Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh An Giang.

Ngày 02 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 417/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần D, sinh năm 1992 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp TĐ, thị trấn O, huyện T, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Chị Mai Thị Thu L, sinh năm 1999 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp TĐ, thị trấn O, huyện T, tỉnh An Giang.

(Đã được tống đạt thủ tục tố tụng hợp lệ)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Trần D trình bày:*

Anh và chị Mai Thị Thu L do tự tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2018, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn O, huyện T ngày 17/10/2018. Sau khi cưới được 03 ngày thì chị L bỏ đi, anh không biết lý do. Vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 05/11/2018 cho đến nay. Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn và kéo dài nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Mai Thị Thu L.

- *Về quan hệ con chung*: Không có.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Về phía bị đơn chị Mai Thị Thu L*: Trong quá trình thụ lý vụ án và hòa giải, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật và triệu tập hợp lệ đương sự đến lần thứ hai nhưng chị L không gửi văn bản ghi ý kiến của bản thân, cũng không đến tham gia phiên hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, bị đơn chị Mai Thị Thu L có địa chỉ tại ấp TĐ, thị trấn O, huyện T, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn chị Mai Thị Thu L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Mai Thị Thu L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần D với chị Mai Thị Thu L chung sống với nhau từ năm 2018, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn O, huyện T ngày 17/10/2018. Vì vậy, đây là hôn nhân hợp pháp phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của anh Trần D, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh D và chị L sau khi tổ chức đám cưới chung sống với nhau được 03 ngày thì chị L bỏ đi không rõ lý do. Sau đó, anh D có liên lạc với chị L để tìm hiểu nguyên nhân

thì chị L cho rằng anh D không quan tâm đến chị L trong ngày cưới nên chị bỏ đi. Anh D có động viên chị L quay về nhưng chị L vẫn không về nên anh và chị L đã ly thân từ tháng 11/2018 cho đến nay. Mặc dù biết anh D nộp đơn khởi kiện xin ly hôn nhưng chị L cũng không đến liên hệ, không có ý định thể hiện mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh D để xây dựng hạnh phúc gia đình. Về phía chị L, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho chị L, tạo điều kiện cho chị L hàn gắn tình cảm với anh D nhưng chị L không đến tham dự các phiên hòa giải, xét xử và cũng không có văn bản nào nêu ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện của anh D. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa anh Trần D với chị Mai Thị Thu L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có đủ căn cứ để áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần D.

[2.2] Về quan hệ con chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Do anh Trần D yêu cầu giải quyết ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Trần D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần D được ly hôn với chị Mai Thị Thu L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 123 ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thị trấn O, huyện T, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

3. Về quan hệ tài sản:

- Về tài sản chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Ghi nhận anh Trần D với chị Mai Thị Thu L không có nợ chung, nhưng sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh, chị trong thời kỳ sống chung thì anh Trần D với chị Mai Thị Thu L vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách là đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

4. Về án phí: Anh Trần D phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014830 ngày 18 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh An Giang.

5. Anh Trần D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị Mai Thị Thu L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND TT.O, huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Minh Tâm